

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Advanced Grammar - 1105009

Mã lớp học phần: 110500901

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thị Hải Bình - (05026)

Ngày thi: 6/7/2018 Giờ thi: 10h Phòng thi: A1.14

Giám thị 1: Đặng Thị Hải Bình Ký tên: Hải Bình

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610130062	Ngô Phương Anh	29/08/1997				C18TA	
2	1510130059	Nguyễn Thị Vân Anh	19/4/1995	<u>Anh</u>	7.0	Bảy	C17TA	
3	1310130013	Nguyễn Hoàng Chương	15/06/1994	<u>Chương</u>	6.5	Sáu rưỡi	C16TA	
4	1410130034	Phan Thị Quỳnh Giao	07/9/1996	<u>Giao</u>	7.0	Bảy	C16TA	
5	1610130033	Cao Thị Thúy Hằng	06/03/1998	<u>Hằng</u>	8.0	Tám	C18TA	
6	1610130068	Đặng Thị Thảo Hiền	20/12/1998	<u>Hiền</u>	8.5	Tám rưỡi	C18TA	
7	1310130081	Lê Thị Ngọc Huyền	30/10/1995				C15TAI	
8	1510130041	Trần Phạm Thanh Hương	07/5/1997	<u>Hương</u>	9.0	Chín	C17TA	
9	1510130048	Lê Ngọc Khánh Linh	20/07/1997	<u>Linh</u>	7.5	Bảy rưỡi	C17TA	
10	1610130035	Trần Thị Ngọc Mai	16/11/1998	<u>Mai</u>	9.0	Chín	C18TA	
11	1410130021	Lê Thị Ngọc	07/08/1995				C16TA	
12	1610130049	Nguyễn Thị Thùy Như	26/09/1998	<u>Như</u>	9.0	Chín	C18TA	
13	1510130006	Phan Tôn Lê Quyền	05/12/1997	<u>Quyền</u>	7.0	Bảy	C17TA	
14	1310130028	Phạm Thị Thanh Tâm	08/09/1994	<u>Tâm</u>	6.5	Sáu rưỡi	C15TAI	
15	1410130014	Nguyễn Thị Phương Thanh	04/06/1996	<u>Thanh</u>	7.0	Bảy	C16TA	
16	1410130031	Trần Huỳnh Thi	25/05/1994	<u>Thi</u>	9.0	Chín	C16TA	
17	1410130028	Châu Nhựt Thịnh	13/09/1995	<u>Thịnh</u>	7.5	Bảy rưỡi	C16TA	
18	1610130043	Lê Thị Thanh Thúy	05/10/1998	<u>Thúy</u>	8.0	Tám	C18TA	
19	1510130004	Trần Thị Minh Thư	18/3/1997	<u>Thư</u>	9.5	Chín rưỡi	C17TA	
20	1410130023	Huỳnh Hồng Thủy Tiên	11/04/1996	<u>Tiên</u>	7.0	Bảy	C16TA	
21	1410130030	Phan Thị Cẩm Tiên	19/9/1996	<u>Tiên</u>	7.5	Bảy rưỡi	C16TA	
22	1410130040	Nguyễn Diễm Trúc	15/08/1996	<u>Trúc</u>	9.0	Chín	C16TA	
23	1510130032	Thái Tấn Trường	18/02/1997				C17TA	
24	1510130013	Đinh Khả Tú	24/2/1996	<u>Tú</u>	9.0	Chín	C17TA	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 20 vắng thi: 4 . Số bài thi: 20 / 20 .Số sinh viên đạt/không đạt: 20 / 0 Tỷ lệ đạt: 100 %



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Advanced Grammar - 1105009

Giám thị 1: Đặng Thị Hải Bình Ký tên: HandS

Mã lớp học phần: 110500901

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thị Hải Bình - (05026)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310130055	Trần Nguyễn Nhật Phương	21/12/1995	<u>Phuonb</u>	<u>7.0</u>	<u>Bảy</u>	C15TA2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / 1 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày: 16 tháng 7 năm 2017

Ngày: tháng năm

P TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Danh

HandS
Đặng Thị Hải Bình

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Advanced Grammar - 1105009

Mã lớp học phần: 110500901

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thị Hải Bình

Ngày thi: 27/07/2018

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Trần Thị Huyền Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Nguyễn Lê Phước Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610130062	Ngô Phương Anh	29/08/1997	✓	✓	✓		C18TA	
2	1510130059	Nguyễn Thị Vân Anh	19/4/1995	<u>[Signature]</u>		7.0	Bảy	C17TA	
3	1310130013	Nguyễn Hoàng Chương	15/06/1994	<u>[Signature]</u>		6.5	Sáu rưỡi	C16TA	
4	1410130034	Phan Thị Quỳnh Giao	07/9/1996	<u>[Signature]</u>		8.0	Tám	C16TA	
5	1610130033	Cao Thị Thúy Hằng	06/03/1998	<u>[Signature]</u>		7.0	Bảy	C18TA	
6	1610130068	Đặng Thị Thảo Hiền	20/12/1998	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm	C18TA	
7	1310130081	Lê Thị Ngọc Huyền	30/10/1995	✓	✓	✓		C15TA1	
8	1510130041	Trần Phạm Thanh Hương	07/5/1997	<u>[Signature]</u>		6.5	Sáu rưỡi	C17TA	
9	1510130048	Lê Ngọc Khánh Linh	20/07/1997	<u>[Signature]</u>		6.0	Sáu	C17TA	
10	1610130035	Lê Thị Ngọc Mai	16/11/1998	<u>[Signature]</u>		7.0	Bảy	C18TA	
11	1410130021	Lê Thị Ngọc	07/08/1995	✓	✓	✓		C16TA	
12	1610130049	Nguyễn Thị Thùy Như	26/09/1998	<u>[Signature]</u>		7.5	Bảy rưỡi	C18TA	
13	1310130055	Trần Nguyễn Nhật Phương	21/12/1995	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm	C15TA2	
14	1510130006	Phan Tôn Lê Quyền	05/12/1997	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm	C17TA	
15	1310130028	Phạm Thị Thanh Tâm	08/09/1994	<u>[Signature]</u>		7.0	Bảy	C15TA1	
16	1410130014	Nguyễn Thị Phương Thanh	04/06/1996	<u>[Signature]</u>		7.0	Bảy	C16TA	
17	1410130031	Trần Huỳnh Thi	25/05/1994	<u>[Signature]</u>		7.0	Bảy	C16TA	
18	1410130028	Châu Nhụy Thịnh	13/09/1995	<u>[Signature]</u>		6.0	Sáu	C16TA	
19	1610130043	Lê Thị Thanh Thúy	05/10/1998	<u>[Signature]</u>		6.0	Sáu	C18TA	
20	1510130004	Trần Thị Minh Thư	18/3/1997	<u>[Signature]</u>		6.5	Sáu rưỡi	C17TA	
21	1410130023	Huỳnh Hồng Thủy Tiên	11/04/1996	<u>[Signature]</u>		7.5	Bảy rưỡi	C16TA	
22	1410130030	Phan Thị Cẩm Tiên	19/9/1996	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm rưỡi	C16TA	
23	1410130040	Nguyễn Diễm Trúc	15/08/1996	<u>[Signature]</u>		6.5	Sáu rưỡi	C16TA	
24	1510130032	Thái Tấn Trường	18/02/1997	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm	C17TA	
25	1510130013	Đinh Khả Tú	24/2/1996	<u>[Signature]</u>		7.0	Bảy	C17TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 03 . Số bài thi/Số tờ: 22 / 22 .

Số sinh viên đạt: 22 Tỷ lệ đạt: 100 %